

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019
Trang 1 thuộc 12

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

MỤC 1

DANH TÍNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
Mô tả sản phẩm: Dầu gốc và các phụ gia
Mã sản phẩm.: 201530202020, 522177-80
Sử dụng đúng mục đích: Lưu chất truyền tải tự động

DANH TÍNH CÔNG TY

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp: ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd (Mã Công Ty: 196800312N)
Căn 1 Harbour Front
Số 06-00 Tòa Nhà Harbour Front Số Một 098633 Singapore

Cấp Cứu Y Tế 24/24 giờ +1 703-253-4229/+1 703-527-3887
Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp (65) 6885 8000/86-21-24076000

Nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH EQUATOR
146 - 148 đường Khánh Hội
Phường 6, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 8 3940 6411

Nhà cung cấp: Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Giang
202 Hoàng Văn Thụ
Phường 9, Quận Phú Nhuận
Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 28 73024500

Nhà cung cấp: Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN
53 đường Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 24 32123939

MỤC 2

NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo hướng dẫn quy định (xem BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) Mục 15).

PHÂN LOẠI:

Nhạy cảm da loại 1

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019
Trang 2 thuộc 12

NHÃN:

Ký hiệu:



Từ Cảnh Báo: Cảnh báo

Các Công Bố Về Mỗi Nguy Hiểm:

Sức Khỏe: H317: Có thể gây phản ứng dị ứng da.

Thông Điệp Đề Phòng:

Phòng Ngừa: P261: Tránh hít sương / các hơi. P272: Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được mang ra khỏi nơi làm việc. P280: Sử dụng găng tay bảo hộ.

Đối phó: P302 + P352: NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. P333 + P313: Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc. P362 + P364: Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Thải bỏ: P501: Thải bỏ các phần chứa bên trong và dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương.

Chứa: ESTER THIO ALKYL ALKYL MẠCH DÀI

Thông tin khác về mỗi nguy hiểm:

CÁC HIỂM HỌA VỀ MẶT VẬT LÝ/HÓA HỌC

Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

CÁC HIỂM HỌA CHO SỨC KHỎE

Chích ép mạnh vào dưới da có thể gây tổn thương nặng. Tiếp xúc quá nhiều có thể dẫn đến bị kích ứng mắt, da hoặc đường hô hấp.

CÁC HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG

Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

LƯU Ý: Không được dùng vật liệu này ngoài mục đích sử dụng được đề cập đến trong Mục 1 mà không có ý kiến của chuyên gia. Các nghiên cứu về sức khỏe cho thấy rằng việc tiếp xúc với hóa chất có thể gây ra các rủi ro tiềm ẩn cho sức khỏe con người và biểu hiện khác nhau trên mỗi người.

MỤC 3

THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Vật liệu này được định nghĩa là một hỗn hợp

(Các) Chất Nguy Hiểm hoặc (các) Chất Phức Tạp cần phải công bố

| Tên | Mã số thông tin cơ bản CAS của hóa | Hàm lượng Nồng độ* | Các Mã về Mỗi Nguy Hiểm theo GHS |
|-----|------------------------------------|--------------------|----------------------------------|
|-----|------------------------------------|--------------------|----------------------------------|

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220

Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019

Trang 3 thuộc 12

| | chất# | | |
|---|------------|------------|----------------------------|
| DẦU NHỜN (PET), GỐC DẦU TRUNG TÍNH ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ BẰNG HYDRO..C20-50 | 72623-87-1 | 1 - < 5% | H304 |
| Phần cát paraffin nặng được xử lý hydro cao | 64742-54-7 | 30 - < 40% | H304 |
| DUNG MÔI PHẦN CÁT PARAPHIN NẶNG ĐÃ ĐƯỢC KHỬ SAP | 64742-65-0 | 40 - < 50% | H304 |
| ESTER THIO ALKYL ALKYL MẠCH DÀI | 93882-40-7 | 0.1 - < 1% | H317, H319(2A), H401, H411 |
| KẼM DIALKYL DITHIOPHOSPHATE | 68457-79-4 | 0.1 - < 1% | H315, H318, H401, H411 |

*Mọi nồng độ đều được tính theo phần trăm khối lượng trừ khi vật liệu là chất khí. Nồng độ các chất khí được tính theo phần trăm thể tích.

MỤC 4 CÁC BIỆN PHÁP CẤP CỨU

HÍT VÀO

Đưa ngay ra khỏi môi trường tiếp xúc. Đối với những người cứu hộ, tránh tiếp xúc cho cả bản thân mình hoặc cho người khác. Dùng các biện pháp thở đáng để bảo vệ đường hô hấp. Nếu bị kích ứng đường hô hấp, chóng mặt, buồn nôn, hoặc bất tỉnh xảy ra, tìm gặp y bác sĩ ngay. Nếu nạn nhân bị ngưng thở, dùng thiết bị cơ học để làm thông khí hoặc dùng biện pháp hô hấp nhân tạo miệng qua miệng.

TIẾP XÚC VỚI DA

Rửa các vùng bị tiếp xúc với nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo đã bị ô nhiễm. Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại. Nếu chích sản phẩm vào da hoặc dưới da, hoặc vào bất kỳ bộ phận nào của cơ thể, bất kể diện mạo hoặc kích cỡ vết thương ra sao, người đó phải được y bác sĩ nhận định ngay lập tức là trường hợp phẫu thuật cấp cứu. Dù các triệu chứng ban đầu do chích ép mạnh là có thể rất ít hoặc không có, việc điều trị phẫu thuật sớm trong vòng vài giờ đầu tiên có thể giảm đáng kể mức độ thương tật cuối cùng.

TIẾP XÚC VỚI MẮT

Súc rửa thật kỹ với nước. Nếu bị kích ứng, tìm gặp y bác sĩ.

ĂN VÀO

Thường không cần phải cấp cứu. Tìm y bác sĩ để được chăm sóc nếu cảm thấy khó chịu.

Y BÁC SĨ CẦN CHÚ Ý

Không

MỤC 5 CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT DẬP LỬA

Chất dập lửa phù hợp: Sử dụng nước phun sương, bột, hóa chất khô hay cacbon-di-oxyt để dập lửa.

Chất dập lửa không phù hợp: Các dòng nước thẳng

CHỮA CHÁY

Hướng dẫn chữa cháy: khu vực sơ tán. Ngăn ngừa các chất thất thoát do hoạt động chữa cháy xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, hoặc nguồn nước uống. Người chữa cháy phải sử dụng trang bị bảo hộ tiêu chuẩn và khi ở các khu vực kín, phải dùng thiết bị thở tự điều khiển. Dùng nước xịt làm nguội các bề mặt nóng do tiếp xúc với lửa và để bảo vệ người.

Các sản phẩm cháy gây nguy hiểm: Các Andehyt, Các sản phẩm cháy không hoàn toàn, Các oxyt của

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019
Trang 4 thuộc 12

cacbon, Khói, Các oxyt lưu huỳnh

CÁC TÍNH CHẤT GÂY CHÁY

Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >177°C (351°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-92]

Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới: 0.9

Giới hạn tiếp xúc trên: 7.0

Nhiệt độ tự bốc cháy: KHÔNG XÁC ĐỊNH

MỤC 6

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CÓ RÒ RỈ BẤT NGỜ

CÁC QUI TRÌNH THÔNG BÁO

Trong trường hợp có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ, báo cáo cho các cấp có thẩm quyền liên quan theo tất cả các qui định hiện hành.

CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Tránh tiếp xúc với vật liệu tràn đổ. Xem Mục 5 về chữa cháy. Xem Mục Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm để biết về Các Hiểm Họa Quan Trọng. Xem Mục 4 về Những Điều Cần Làm Khi Cấp Cứu. Xem Mục 8 để được hướng dẫn về các yêu cầu tối thiểu của trang bị bảo hộ cá nhân. Có thể cần dùng các biện pháp bảo vệ bổ sung, tùy thuộc vào tình trạng cụ thể và/hoặc đánh giá chuyên môn của các nhân viên ứng cứu khẩn cấp.

Cho các nhân viên cấp cứu: Bảo vệ đường hô hấp: Chỉ cần bảo vệ đường hô hấp trong những trường hợp đặc biệt, ví dụ hình thành sương. Sử dụng mặt nạ phòng độc che nửa mặt hoặc toàn mặt có bộ lọc bụi/hơi hữu cơ hoặc có thể sử dụng Thiết Bị Thở Độc Lập (SCBA) tùy thuộc vào khối lượng bị tràn đổ và mức độ có thể bị tiếp xúc. Khi không thể xác định được đầy đủ các đặc điểm của việc tiếp xúc hay khi có thể gặp hoặc dự kiến sẽ gặp tình trạng thiếu oxy trong không khí, nên sử dụng SCBA. Nên dùng găng bảo hộ chịu được hydrocacbon. Găng tay làm bằng polyvinyl axetat (PVA) không chịu được nước và không thích hợp để sử dụng cho trường hợp khẩn cấp. Nên sử dụng kính mắt chống hóa chất nếu có thể bị văng vào mắt hoặc tiếp xúc với mắt. Lượng tràn đổ nhỏ: Trang phục bảo hộ chống tĩnh điện thông thường cũng tốt. Lượng tràn đổ lớn: nên sử dụng bộ áo liền quần làm bằng vải chống tĩnh điện.

XỬ LÝ TRÀN ĐỔ

Tràn đổ xuống đất: Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. Thu hồi bằng cách bơm hoặc bằng cách dùng chất hấp thụ thích hợp

Tràn đổ nước: Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. khoanh vùng giới hạn lượng tràn đổ ngay lập tức bằng rào phao nổi. Cảnh báo các phương thức vận chuyển khác. Loại bỏ khỏi bề mặt bằng cách hút văng hoặc dùng chất hấp thụ thích hợp. Hỏi ý kiến chuyên gia trước khi dùng các tác chất phân tán.

Các khuyến nghị trong trường hợp tràn đổ xuống nước hoặc đất là dựa trên cơ sở tình huống tràn đổ thường gặp nhất đối với vật liệu này, tuy nhiên, điều kiện địa lý, gió, nhiệt độ, (và trong trường hợp tràn đổ xuống nước) sóng và chiều dòng nước cùng tốc độ nước có thể ảnh hưởng lớn trong việc xác định hành động khắc phục cho phù hợp. Vì lý do đó, cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia ở địa phương. Chú ý: Các qui định ở địa phương có thể mô tả hoặc giới hạn hành động khắc phục cần thực hiện.

ĐỀ PHÒNG VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Lượng tràn đổ lớn: Đào mương xung quanh ngăn chặn thật sớm lượng chất lỏng tràn đổ để thu gom xử lý phục hồi hoặc loại bỏ sau này. Ngăn ngừa xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, tầng hầm nhà hoặc các khu vực giới hạn.

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
 Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019
 Trang 5 thuộc 12

MỤC 7 THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

THAO TÁC

Tránh tiếp xúc với da. Tránh không làm tràn đổ ra ngoài những lượng nhỏ hoặc làm rò rỉ để tránh nguy cơ trượt té. Vật liệu có thể tích tĩnh điện gây ra tia lửa điện (nguồn lửa). Khi thao tác với vật liệu ở số lượng lớn, tia lửa có thể gây bốc cháy bất kỳ hơi dễ cháy nào sinh ra từ các chất lỏng hoặc cặn dư có thể đang hiện diện (ví dụ, trong các thao tác trộn lẫn các loại vật liệu khác nhau – switch loading). Sử dụng các quy trình phù hợp để kết nối và tiếp đất chống phóng điện. Tuy nhiên, kết nối và tiếp đất cũng có thể không loại bỏ được nguy cơ tích tĩnh điện. Xin tham khảo các tiêu chuẩn hiện hành của địa phương để được hướng dẫn. Các nơi có thể cung cấp tài liệu tham khảo thêm bao gồm Viện Dầu Mỏ Hoa Kỳ - American Petroleum Institute 2003 (Bảo Vệ Chống Bốc Cháy Do Tĩnh Điện, Sét Đánh và Các Dòng Điện Khác - Protection Against Ignitions Arising out of Static, Lightning and Stray Currents) hoặc Cơ Quan Bảo Vệ Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia - National Fire Protection Agency 77 (Biện Pháp Thực Hành Nên Dùng để chống Tĩnh Điện-Recommended Practice on Static Electricity) hoặc CENELEC CLC/TR 50404 (Tĩnh điện – Quy định thực hành tránh các hiểm họa tĩnh điện [Electrostatics - Code of practice for the avoidance of hazards due to static electricity]).

Chất có khả năng tích tĩnh điện: Vật liệu này là chất có khả năng tích tĩnh điện.

BẢO QUẢN

Loại dụng cụ đựng để chứa vật liệu này có thể ảnh hưởng đến hoạt động tích và giải tĩnh điện. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nắp. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nắp. Để tránh xa các vật liệu không tương thích

MỤC 8 KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC / BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các chỉ số giới hạn/tiêu chuẩn tiếp xúc (Chú ý: các chỉ số giới hạn không phải là phần bổ sung)

| Tên hóa chất | Dạng | Giới hạn/Tiêu chuẩn | Chú ý: | Nguồn | Năm | |
|---|-----------------------|---|----------------------|-------|--|------|
| DẦU NHỜN (PET), GỐC DẦU TRUNG TÍNH ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ BẰNG HYDRO..C20-50 | Phần có thể hít phải. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 5 mg/m ³ | | HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ | 2018 |
| Phần cát paraffin nặng được xử lý hydro cao | Sương. | GIỚI HẠN TIẾP XÚC THỜI GIAN NGẮN | 10 mg/m ³ | | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam | 2002 |
| Phần cát paraffin nặng được xử lý hydro cao | Sương. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời | 5 mg/m ³ | | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam | 2002 |

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220

Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019

Trang 6 thuộc 12

| | | | | | | | |
|---|-----------------------|---|----------------------|--|--|--|------|
| | | gian (thường là 8 giờ) | | | | | |
| Phần cát paraffin nặng được xử lý hydro cao | Phần có thể hít phải. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 5 mg/m ³ | | | HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ | 2018 |
| DUNG MÔI PHẦN CẮT PARAPHIN NẶNG ĐÃ ĐƯỢC KHỬ SÁP | Sương. | GIỚI HẠN TIẾP XÚC THỜI GIAN NGẮN | 10 mg/m ³ | | | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam | 2002 |
| DUNG MÔI PHẦN CẮT PARAPHIN NẶNG ĐÃ ĐƯỢC KHỬ SÁP | Sương. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 5 mg/m ³ | | | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam | 2002 |
| DUNG MÔI PHẦN CẮT PARAPHIN NẶNG ĐÃ ĐƯỢC KHỬ SÁP | Phần có thể hít phải. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 5 mg/m ³ | | | HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ | 2018 |

Các giới hạn / tiêu chuẩn về tiếp xúc với các vật liệu tạo thành trong quá trình thao tác với sản phẩm này:
 Khi có sương/khí dung xuất hiện, nên sử dụng : 5 mg/m³ - Ngưỡng giới hạn (TLV) của ACGIH (phần có thể hít).

CHÚ Ý: Các giới hạn/tiêu chuẩn chỉ được trình bày với mục đích hướng dẫn. Tuân thủ các quy định hiện hành.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Mức độ bảo vệ và các phương pháp kiểm soát cần thiết sẽ khác nhau tùy thuộc vào các điều kiện tiếp xúc có khả năng xảy ra. Các biện pháp kiểm soát cần xem xét là:

Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ.

BẢO HỘ CÁ NHÂN

Việc lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân thay đổi dựa trên các điều kiện tiếp xúc có thể xảy ra như khi sử dụng, thao tác, nồng độ vật liệu hoặc thông gió. Thông tin về việc lựa chọn thiết bị bảo hộ để sử dụng với vật liệu

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019
Trang 7 thuộc 12

này, như được cung cấp dưới đây, là dựa trên cách sử dụng bình thường đúng mục đích.

Bảo vệ đường hô hấp: Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì được nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí ở mức thích hợp để bảo vệ cho sức khỏe công nhân, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được chấp thuận cho dùng thích hợp. Việc lựa chọn, sử dụng, và bảo trì mặt nạ phòng độc phải tuân theo các yêu cầu qui định nếu có. Các kiểu mặt nạ phòng độc cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:
Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ. Thở hạt

Đối với trường hợp nồng độ trong không khí cao, dùng mặt nạ phòng độc cấp khí đã được chấp thuận sử dụng, hoạt động ở chế độ áp suất dương. Mặt nạ phòng độc cấp khí có bình thoát khí có thể thích hợp trong trường hợp lượng Oxy không đủ, thông tin về tính chất độc hại cần lưu ý của chất khí / hơi không đầy đủ, hoặc nếu tốc độ / năng lực tinh lọc không khí kém không đáp ứng nổi

Bảo vệ tay: Thông tin cụ thể về gắng tay được cung cấp dựa theo tài liệu công bố và dữ liệu của nhà sản xuất gắng tay. Điều kiện làm việc có thể ảnh hưởng rất nhiều đến độ bền của gắng tay; kiểm tra và thay thế các gắng tay đã hư hỏng hoặc đã mòn. Các kiểu gắng tay cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:
Nên sử dụng gắng tay chống hóa chất. Nitril, Nhựa Viton (thường dùng trong trang phục bảo hộ)

Bảo vệ mắt: Nếu có khả năng bị tiếp xúc, nên dùng kính bảo hộ có gờ chắn kín.

Bảo vệ da và cơ thể: Mọi thông tin cụ thể về trang phục bảo hộ được cung cấp dựa theo tài liệu công bố hoặc dữ liệu của nhà sản xuất. Các kiểu trang phục bảo hộ cần xem xét sử dụng với vật liệu này bao gồm:
Nên sử dụng quần áo chống hóa chất / dầu.

Các biện pháp vệ sinh riêng: Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm. Vứt bỏ quần áo, giày dép đã bị ô nhiễm không thể giặt sạch được. Thực hiện quản lý tốt việc giữ gìn vệ sinh

KIỂM SOÁT VỀ MẬT MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định môi trường hiện hành hạn chế việc phóng thích ra không khí, nước và đất. Bảo vệ môi trường bằng cách áp dụng những biện pháp kiểm soát thích hợp để ngăn chặn hoặc hạn chế việc phát thải.

MỤC 9

TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Lưu ý: Các tính chất lý hóa được cung cấp chỉ nhằm mục đích xem xét về an toàn, sức khỏe và môi trường mà thôi, chúng không thể hiện đầy đủ các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm. Xin liên lạc với Nhà Cung Cấp để tìm hiểu thêm.

THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Trạng thái vật lý: Chất lỏng
Màu: Đỏ
Mùi: Đặc điểm
Ngưỡng phát hiện mùi: KHÔNG XÁC ĐỊNH

THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN, VÀ MÔI TRƯỜNG

Tỷ trọng (ở 15 °C): 0.873
Khả năng cháy (Rắn, Khí): KHÔNG ÁP DỤNG

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019
Trang 8 thuộc 12

Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >177°C (351°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-92]
Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới: 0.9
Giới hạn tiếp xúc trên: 7.0
Nhiệt độ tự bốc cháy: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Điểm sôi / Phạm vi: > 316°C (600°F)
Nhiệt độ phân hủy: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Tỷ khối hơi (không khí = 1): > 2 ở 101 kPa
Áp suất hơi: < 0.013 kPa (0.1 mm Hg) ở 20 °C
Tốc độ bay hơi (n-butyl axetat = 1): KHÔNG XÁC ĐỊNH
pH: KHÔNG ÁP DỤNG
Log Pow (hệ số phân tách n-Octanol/nước): > 3.5
Khả năng tan trong nước: Không đáng kể
Độ nhớt: 37 CentiStoke (37 mm²/giây) ở 40 °C | 7.2 CentiStoke (7.2 mm²/giây) ở 100°C [ASTM D 445]
Các Tính Chất Oxy Hóa: Xem phần Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm.

THÔNG TIN KHÁC

Điểm đông: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Điểm nóng chảy: KHÔNG ÁP DỤNG
Nhiệt độ rót: -39°C (-38°F)
Sản phẩm chiết với tác chất chiết DMSO (di-metyl-sunfoxyt), (chỉ dùng cho dầu khoáng), phương pháp thử nghiệm IP-346: < 3 %t

MỤC 10 ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

ĐỘ BỀN: Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.

CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH: Nhiệt dư Các nguồn gây cháy giàu năng lượng

CÁC VẬT LIỆU CẦN TRÁNH: Chất Oxy hóa mạnh

CÁC SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY NGUY HIỂM: Vật liệu không phân hủy ở nhiệt độ môi trường.

KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG NGUY HIỂM: Quá trình polyme hóa sẽ không xảy ra

MỤC 11 THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

THÔNG TIN VỀ CÁC TÁC DỤNG ĐỘC

| Nhóm nguy hiểm | Kết luận / Nhận xét |
|---|---|
| Hít phải | |
| Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Rủi ro rất thấp ở nhiệt độ môi trường hoặc nhiệt độ làm việc bình thường. |
| Ăn vào | |
| Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Da | |
| Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
 Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019
 Trang 9 thuộc 12

| | |
|---|---|
| Ấn Mòn Da/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Kích ứng da với mức độ rất nhỏ ở nhiệt độ môi trường. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Mắt | |
| Tổn Thương Mắt Nghiêm Trọng/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Có thể gây khó chịu nhẹ cho mắt trong thời gian ngắn. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Gây mẫn cảm | |
| Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là chất gây mẫn cảm đường hô hấp. |
| Gây Mẫn Cảm Da: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Chứa một chất có thể gây mẫn cảm da. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Sặc vào phổi: Dữ liệu có sẵn. | Không được xem là có hiểm họa sặc vào phổi. Dựa trên các tính chất lý-hóa của vật liệu. |
| Khả Năng Gây Đột Biến Tế Bào Mầm: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là chất gây đột biến tế bào mầm. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Khả năng gây ung thư: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây ung thư. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Độc Tính Sinh Sản: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | là Không được xem là chất độc sinh sản. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Thời kỳ cho con bú: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây hại cho trẻ đang bú mẹ. |
| Độc Tính Cơ Quan Mục Tiêu Cụ Thể (STOT) | |
| Tiếp Xúc Một Lần: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc một lần. |
| Tiếp Xúc Lặp Lại: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |

THÔNG TIN KHÁC

Cho bản thân sản phẩm.:

Một hay nhiều thành phần được phân loại là chất gây mẫn cảm cho da.

Chú ý:

Dầu gốc được tinh chế theo yêu cầu khắt khe: Không gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật. Vật liệu đại diện đạt chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm IP-346, chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm Ames sửa đổi, và/hoặc các chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm sàng lọc khác. Các nghiên cứu trên da và đường hô hấp cho thấy có tác dụng ảnh hưởng rất ít; thâm nhiễm không đặc trưng qua phổi vào các tế bào hệ miễn dịch, kết tụ chất béo và rất ít hình thành u hạt. Không gây mẫn cảm trong các thử nghiệm trên động vật.

Phân loại của CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI:

Các thành phần sau được trích dẫn vào các danh mục dưới đây: Không.

1 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU
 UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ
 THẾ GIỚI 1

--CÁC QUY ĐỊNH CẦN TÌM--
 2 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU
 UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ
 THẾ GIỚI 2A

3 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU
 UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ
 THẾ GIỚI 2B

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019
Trang 10 thuộc 12

Thông tin đã nêu được dựa theo dữ liệu của vật liệu, thành phần của vật liệu, hoặc vật liệu tương tự, bằng cách áp dụng các nguyên lý bậc cao.

ĐỘC TÍNH VỀ MẶT SINH THÁI

Vật liệu -- Không được xem là có hại cho thủy sinh vật

TÍNH LINH ĐỘNG

Thành phần dầu gốc -- Ít tan và nổi được và được xem là có thể trôi dạt từ nước đến mặt đất. Được xem là có thể phân tách thành cặn lắng và các chất rắn trong nước thải

TÍNH BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY BỞI VI SINH VẬT

Phân hủy bởi vi sinh vật:

Thành phần dầu gốc -- Được xem là vốn có tính bị phân hủy bởi vi sinh vật

KHẢ NĂNG TÍCH TỤ TRONG CƠ THỂ

Thành phần dầu gốc -- Có khả năng tích tụ trong cơ thể, tuy nhiên các tính chất vật lý hoặc chuyển hoá trong cơ thể có thể làm giảm nồng độ hoạt động sinh học hoặc giới hạn khả năng sẵn sàng hoạt động sinh học.

MỤC 13

XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các khuyến nghị việc thải bỏ dựa trên tài liệu như đã được cung cấp. Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp hiện hành đang áp dụng, và đặc tính của vật liệu vào lúc thải bỏ.

KHUYẾN NGHỊ VỀ VIỆC THẢI BỎ

Sản phẩm thích hợp dùng để đốt trong lò kín có kiểm soát để làm nhiên liệu hoặc thải bỏ bằng cách đốt cháy có giám sát ở nhiệt độ rất cao để tránh tạo thành các sản phẩm cháy không mong muốn. Bảo vệ môi trường. Thải bỏ dầu đã qua sử dụng tại nơi quy định. Giảm tiếp xúc với da đến mức tối thiểu. Không trộn lẫn dầu đã qua sử dụng với các dung môi, dầu trắng hoặc chất làm nguội.

Cảnh báo về bình chứa rỗng NỘI DUNG NHÃN ĐỀ PHÒNG: Bình chứa rỗng có thể vẫn còn cặn dư và có thể gây nguy hiểm. KHÔNG ÉP, CẮT, HẤN, KHOAN, MÀI HOẶC ĐỂ CÁC BÌNH CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, MÔI TRƯỜNG TÍNH ĐIỆN, HOẶC CÁC NGUỒN GÂY CHÁY; CHÚNG CÓ THỂ NỔ VÀ GÂY THƯƠNG TẬT HOẶC TỬ VONG. Đừng cố gắng tái nạp hoặc làm sạch bình chứa đựng vì cặn dư rất khó loại bỏ. Các phuy sử dụng xong phải được tháo xả cho hết hoàn toàn, bịt kín đúng cách và lập tức chuyển trả cho nơi tu sửa phục hồi phuy. Mọi bình chứa phải được thải bỏ theo cách an toàn đối với môi trường và phù hợp với các qui định của chính quyền.

MỤC 14

THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

ĐẤT : Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường bộ

Qui định về vận chuyển đường biển đối với các hàng hóa gây nguy hiểm (IMDG): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường biển theo IMDG

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220
Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019
Trang 11 thuộc 12

Chất gây ô nhiễm biển: Không

AIR (IATA): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng máy bay

| | |
|---------------|---------------------------|
| MỤC 15 | THÔNG TIN QUI ĐỊNH |
|---------------|---------------------------|

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo Luật Hóa Chất.

TÌNH TRẠNG QUI ĐỊNH VÀ CÁC LUẬT VÀ QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH

Được nêu hoặc được miễn nêu/thông báo trong các danh mục hóa chất sau đây (Có thể chứa (những) chất phải thông báo vào danh mục chất có hoạt động theo Đạo Luật về Kiểm Soát Chất Độc (TSCA) của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ (EPA) trước khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ):

AICS, DSL, ENCS, IECSC, ISHL, KECI, PICCS, TCSI, TSCA

| | |
|---------------|-----------------------|
| MỤC 16 | THÔNG TIN KHÁC |
|---------------|-----------------------|

N/D = không xác định, N/A = không áp dụng

DIỄN GIẢI CÁC MÃ HIỂM HỌA (H-CODE) NẾU TẠI MỤC 3 CỦA TÀI LIỆU NÀY (chỉ dùng để tham khảo):

H304: Độc hại nghiêm trọng khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp; Hít Phải, Nhóm 1

H315: Gây kích ứng da; Ấn Mòn/Kích Ứng Da, Nhóm 2

H317: Có thể gây phản ứng dị ứng da; Gây Mẩn Cầm Da, Nhóm 1

H318: Gây tổn thương nặng cho mắt; Gây Tổn Thương Nặng/Kích Ứng Nặng Cho Mắt, Nhóm 1

H319(2A): Gây kích ứng nặng cho mắt; Gây Tổn Thương Nặng/Kích Ứng Nặng Cho Mắt, Nhóm 2A

H401: Độc cho các thủy sinh vật; Độc Cấp Tính Cho Môi Trường, Nhóm 2

H411: Độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài; Độc Lâu Dài Cho Môi Trường, Nhóm 2

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) NÀY CÓ CHỨA CÁC PHẦN SỬA ĐỔI SAU:

Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Ứng Phó – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.

Thành phần: Bảng Thành Phần thông tin đã được sửa.

Tiêu Ngữ Hiểm Họa GHS – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.

Phân Loại Về Tác Dụng Trên Sức Khỏe Theo GHS đã bổ sung thông tin.

Hiểm Họa Sức Khỏe Theo GHS – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.

Hiểm Họa Sức Khỏe Theo GHS đã bổ sung thông tin.

Biểu Tượng Cho Tác Dụng Trên Sức Khỏe Theo GHS đã bổ sung thông tin.

Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Thái Bỏ đã bổ sung thông tin.

Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Tổng Quát – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.

Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Phòng Ngừa – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.

Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Phòng Ngừa đã bổ sung thông tin.

Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Ứng Phó đã bổ sung thông tin.

Từ Cảnh Báo GHS – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.

Từ Cảnh Báo GHS đã bổ sung thông tin.

Tiêu Đề Ký Hiệu GHS đã bổ sung thông tin.

Nhận Diện Hiểm Họa: AP – Tiêu Ngữ Hiểm Họa - GHS đã bổ sung thông tin.

Nhận Diện Hiểm Họa: AP – Tiêu Ngữ Hiểm Họa - GHS thông tin đã được xóa.

Nhận diện các mối nguy hiểm: Mối nguy hiểm vật lý/hóa học đã bổ sung thông tin.

Tên sản phẩm: MOBIL ATF 220

Ngày sửa đổi: 27 Tháng Sáu 2019

Trang 12 thuộc 12

Nhận diện các mối nguy hiểm: Mối nguy hiểm vật lý/hóa học thông tin đã được xóa.

Mục 01: Phân Loại Hiểm Họa – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.

Mục 01: Mã sản phẩm thông tin đã được sửa.

Mục 02: Chứa Thành Phần theo GHS – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.

Mục 02: Thành Phần GHS về các mã GHS TRÊN NHẤN đã bổ sung thông tin.

Mục 04: Sơ cấp cứu khi tiếp xúc với da thông tin đã được sửa.

Mục 07: Thao Tác và Bảo Quản – Thao Tác thông tin đã được sửa.

Mục 08: Bảng Giới Hạn Tiếp Xúc thông tin đã được sửa.

Mục 08: Bảo Vệ Tay thông tin đã được sửa.

Mục 08: Bảo vệ da và cơ thể thông tin đã được sửa.

Mục 09: Nhiệt Độ Sôi C(F) thông tin đã được sửa.

Mục 09: Điểm Bốc Cháy C(F) thông tin đã được sửa.

Mục 09: Hệ số tỷ lệ n-Octan/Nước thông tin đã được sửa.

Mục 09: Áp Suất Hơi đã bổ sung thông tin.

Mục 09: Áp Suất Hơi thông tin đã được xóa.

Mục 09: Độ Nhớt thông tin đã được sửa.

Mục 11: Tiêu Đề Các Tác Dụng Khác Đối Với Sức Khỏe thông tin đã được sửa.

Mục 11: Các ảnh hưởng đến sức khỏe khác đã bổ sung thông tin.

Mục 11: Kết Luận về Gây Mẫn Cảm Da thông tin đã được sửa.

Mục 12: thông tin đã được sửa.

Mục 15: Ghi Nhãn – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.

Mục 15: Danh Mục Hóa Chất Quốc Gia thông tin đã được sửa.

Mục 15: Tiêu Ngữ Hiểm Họa của Đài Loan đã bổ sung thông tin.

Mục 15: Tiêu Ngữ Hiểm Họa của Đài Loan thông tin đã được xóa.

Mục 16: Diễn Giải Mã Hiểm Họa thông tin đã được sửa.

Thông tin và các khuyến nghị trong tài liệu này, theo sự hiểu biết và tin tưởng nhất của ExxonMobil's, là chính xác và đáng tin cậy tính đến thời gian phát hành. Bạn có thể liên hệ ExxonMobil để được chắc chắn rằng tài liệu này là tài liệu gần đây nhất của ExxonMobil. Thông tin và các khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng để kiểm tra và xem xét. Trách nhiệm của người sử dụng là tự quyết định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích sử dụng hay không. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, thì trách nhiệm của người sử dụng là phải bảo đảm các tài liệu hướng dẫn phù hợp về sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác phải được kèm theo với và/hoặc trên bình chứa. Các cảnh báo phù hợp và các qui trình thao tác an toàn phải được cung cấp cho người thao tác và người sử dụng. Nghiêm cấm sửa đổi tài liệu này. Ngoại trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, việc tái xuất bản hoặc tái chuyển tải tài liệu này, một phần hay toàn bộ, là không được phép. Thuật ngữ "ExxonMobil" được sử dụng cho mục đích tiện lợi, và có thể bao gồm bất kỳ một hoặc nhiều các thuật ngữ ExxonMobil Chemical, ExxonMobil Corporation, hoặc bất kỳ các công ty thành viên nào mà các công ty này gián tiếp hoặc trực tiếp có quyền lợi liên quan

DGN: 7041797XVN (1008878)
